

Bản án số: 14/2019/DSST

Ngày 27- 5-2019

“V/v: T/c hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CUM'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- ***Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Nguyễn Quang Cảnh.

- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** 1/ Ông Nguyễn Văn Mạnh.

2/ Bà Bùi Thị Hà.

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Vũ Đức Đuống - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Cum'gar, tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cum'gar tham gia phiên tòa:***
bà Trần Thị Mỹ Châu - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cum'gar, tỉnh Đắk Lắk; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 230/2018/TLST-DS, ngày 21/8/2018, về việc “***Tranh chấp hợp đồng vay tài sản***”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐXXST-DS, ngày 22 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc H và bà Cao Thị H1 – ***có mặt.***

Trú tại: Tổ dân phố T, thị trấn E, huyện C, Tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn T và Vũ Thị S – ***vắng mặt.***

Trú tại: Thôn 4, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* ***Nguyên đơn:*** Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn Ông Nguyễn Ngọc H và bà Cao Thị H1 trình bày:

Vợ chồng tôi và vợ chồng bà Vũ Thị S, ông Trần Văn T (***ông T, bà S***) trú tại thôn 4, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk là chỗ quen hệ quen biết nên vào ngày 22/6/2018 vợ chồng ông T, bà S có vay của vợ chồng tôi số tiền 135.450.000 đồng để đáo hạn ngân hàng và gửi tiền cho con ăn học; cụ thể vay làm hai lần, lần vay 87.450.000 đồng thì cả ông T, bà S cùng ký nhận nợ, lần vay 48.000.000 đồng thì chỉ một mình bà S ký, thời hạn trả nợ là 15 ngày, không thỏa thuận về lãi suất, vì là chỗ quen biết tin tưởng nên tôi không yêu cầu bên vay thế chấp tài sản hay giấy tờ gì. Đến hạn trả nợ chúng tôi đòi nhiều lần nhưng ông T,

bà S có tình lẩn tránh không trả. Đến thời điểm này thì ông T, bà S đã bỏ đi khỏi địa phương, đi đâu là gì chúng tôi không biết.

Nay chúng tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Trần Văn T, bà Vũ Thị S phải trả dứt điểm cho chúng tôi khoản tiền gốc đã vay là 135.450.000 đồng, chúng tôi không yêu cầu tính lãi suất.

Về án phí DSST và các chi phí tố tụng khác: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*** Bị đơn:** Ông Trần Văn T và Vũ Thị S:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar đã tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, nhưng bị đơn ông Trần Văn T và Vũ Thị S không lên Tòa án để giải quyết. Vì vậy Tòa án không lấy được lời khai cũng như không tiến hành đối chất, hòa giải được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không có thay đổi, bổ sung gì thêm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar phát biểu ý kiến về việc tuân thủ các quy định của Bộ tố tụng dân sự của Hội đồng xét xử, thư ký, cũng như những người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- *Đối với Thẩm phán:* Trong quá trình chuẩn bị xét xử; Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại điều 203 BLTTDS.

- *Đối với Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa:* Tuân thủ đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- *Đối với đương sự:*

+ Nguyên đơn: Thực đã hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70; Điều 71 BLTTDS.

+ Bị đơn: Không thực đã hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70; Điều 72 BLTTDS.

*** Về nội dung vụ án:**

Vào ngày 22/6/2018 vợ chồng ông T có vay của vợ chồng ông H, bà H1 số tiền 135.450.000 đồng; cụ thể vay làm hai lần, lần vay 87.450.000 đồng thì cả ông T, bà S cùng ký nhận nợ, lần vay 48.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là 15 ngày, không thỏa thuận về lãi suất. Đến hạn trả nợ ông T, bà S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên ông H bà H1 đã khởi kiện ra tòa án yêu cầu phải trả số nợ gốc là 135.450.000 đồng.

Ngày 04/4/2019 Tòa án đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 03/2019/QĐ-TCGD, để tiến hành giám định chữ viết, chữ ký mang tên Trần Văn T và bà Vũ Thị S trong 02 giấy vay tiền so với Hợp đồng thế chấp QSD đất. Tại Kết luận giám định số 28/PC45, ngày 16/4/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận:

Chữ viết, chữ ký có nội dung “**Vũ Thị S**” dưới mục người mượn của “02 Giấy vay nợ đề ngày 26/6/2018 – Ký hiệu A1 và A2” so với chữ viết, chữ ký mang tên “**Vũ Thị S**” trong tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1,M2,M3 là do một người cùng viết và ký ra. Chữ viết, chữ ký có nội dung “**Trần Văn T**” dưới mục người mượn của “Giấy vay nợ đề ngày 26/6/2018 – Ký hiệu A2” so với chữ viết, chữ ký mang tên “**Trần Văn T**” trong tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1,M2,M3 là do một người cùng viết và ký ra.

Từ những phân tích nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử; căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 (BLDS):

Buộc ông Trần Văn T và bà Vũ Thị S có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Ngọc H và bà Cao Thị H1 số tiền 135.450.000 đồng (*một trăm ba mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng*).

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn ông Trần Văn T và Vũ Thị S mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng ông T, bà S mặt là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Việc ông T và bà S có ký hợp đồng vay tiền với ông H và bà H1 là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật, do không trả được nợ đúng hạn nên đã phát sinh quan hệ tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, được quy định tại khoản 3, Điều 26 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung:* Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu chứng cứ đã thu thập và có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở xác định:

Do có mối quan hệ quen biết nên vào ngày 22/6/2018 bà S, ông T có vay của ông H, bà H1 số tiền là 135.450.000 đồng. Việc vay nợ giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật về cả nội dung và hình thức. Quá trình vay nợ giữa hai bên có lập hợp đồng vay tiền với nhau ông T, bà S có ký giấy vay, cả hai khoản vay đều không ghi lãi suất, thời hạn trả nợ là 15 ngày. Như vậy đây là giao dịch dân sự được quy định trong Bộ luật dân sự, thông qua hợp đồng vay tài sản, quy định tại Điều 463 Bộ Luật dân sự năm 2015. Đến hạn trả nợ ông T, bà S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ của bên vay, được quy định tại điều 466 Bộ Luật dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; yêu cầu ông T, bà S phải có nghĩa vụ trả cho ông bà khoản tiền nợ gốc là 135.450.000 đồng, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất. Về phía bị đơn ông T, bà S; quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án niêm yết triệu tập hợp lệ nhiều lần

nhưng ông bà vắng mặt không lên Tòa án để giải quyết. Qua xác minh tại đại phương ngày 25/02/2019 tại nơi ông T, bà S có địa chỉ nơi cư trú thì được biết: vợ chồng ông Trần Văn T và bà Vũ Thị S có hộ khẩu và địa chỉ cư trú tại Thôn 4, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Tuy nhiên ông T, bà S đã bỏ đi khỏi địa phương khoảng 8 tháng trở lại đây, ông T và bà S đi đâu, làm gì địa phương không nắm được. Như vậy trong trường hợp này ông T, bà S là người đang phải chịu khoản nợ đối với bà H1, ông H. Tuy nhiên ông T, bà S thay đổi địa chỉ nơi cư trú nhưng không báo cho nguyên đơn được biết. Vì vậy căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6, Nghị quyết số 04/2017/ NQ-HĐTP, ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (*hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án*) thì đây thuộc trường hợp bị đơn cố tình dấu địa chỉ, Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án mà không đình chỉ trả đơn khởi kiện.

Ngày 04/4/2019 Tòa án đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 03/2019/QĐ-TCGD, để tiến hành giám định chữ viết, chữ ký của mang tên Trần Văn T và Vũ Thị S được thu thập trong hợp đồng thế chấp QSD đất để vay vốn tại ngân hàng thương mại cổ phần P – Phòng giao dịch Ea – Chi nhánh Đắk Lắk, so với viết và chữ ký Trần Văn T và Vũ Thị S trong 02 giấy vay tiền ngày 22/6/2018. Tại Kết luận giám định số 28/PC45, ngày 16/4/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chữ viết, chữ ký có nội dung “**Vũ Thị S**” dưới mục người mượn của “02 Giấy vay nợ đề ngày 26/6/2018 (Ký hiệu A1 và A)” so với chữ viết, chữ ký mang tên “**Vũ Thị S**” trong tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1,M2,M3 (*Các mẫu chữ viết, chữ ký thu thập tại ngân hàng*) là do một người cùng viết và ký ra. Chữ viết, chữ ký có nội dung “**Trần Văn T**” dưới mục người mượn của “Giấy vay nợ đề ngày 26/6/2018 (Ký hiệu A2)” so với chữ viết, chữ ký mang tên “**Trần Văn T**” trong tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1,M2,M3 (*Các mẫu chữ viết, chữ ký thu thập tại ngân hàng*) là do một người cùng viết và ký ra.

Về nghĩa vụ trả nợ: Tại giấy vay tiền đề ngày 22/6/2018, số tiền vay là 48.000.000 đồng mặc dù chỉ một mình bà S ký giấy vay. Tuy nhiên theo nguyên đơn thì khoản tiền nói trên bị đơn vay để đáo hạn ngân hàng và gửi cho con ăn học. Vì vậy đây là khoản tiền chi tiêu cho mục đích gia đình nên cần buộc cả ông T cùng có nghĩa vụ trả nợ là phù hợp.

Từ những căn cứ và phân tích nói trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc vợ chồng ông Trần Văn T và bà Vũ Thị S có nghĩa vụ trả cho ông H, bà H1 số tiền 135.450.000 đồng. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQHĐTP-TANDTC, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm và tiền chi phí giám định:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên nguyên đơn không phải chịu án phí và chi phí giám định chữ viết và chữ ký và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk và tiền chi phí giám định chữ viết và chữ ký sau khi thu được của ông T, bà S.

Bị đơn ông T, bà S phải nộp 6.772.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 5.040.000 đồng tiền chi phí giám định chữ viết, chữ ký.

Cụ thể án phí dân sự sơ thẩm được tính như sau:

$135.450.000 \text{ đồng} \times 5\% = 6.772.500 \text{ đồng}$ (S triệu bảy trăm bảy mươi hai ngàn năm trăm đồng)

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 161; Điều 162 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 280; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/10/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn .

Buộc ông Trần Văn T và bà Vũ Thị S có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Ngọc H và bà Cao Thị H1 số tiền 135.450.000 đồng (một trăm ba mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng), không yêu cầu tính lãi suất.

“ Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi; hoặc khoản tiền bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; hoặc trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong hoặc ngoài hợp đồng khác mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”

*** Về án phí DSST và các chi phí tố tụng khác:**

Trả lại cho ông Nguyễn Ngọc H và bà Cao Thị H1 khoản tiền 3.386.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai số AA/2017/0006746, ngày 09/382018, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư M'gar, tỉnh Đak Lăk và được nhận lại 5.040.000 đồng tiền tạm ứng chi phí giám định chữ viết, chữ ký sau khi thu được của ông Trần Văn T và bà Vũ Thị S.

Bị đơn ông Trần Văn T và bà Vũ Thị S phải nộp 6.772.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 5.040.000 đồng tiền chi phí giám định chữ viết, chữ ký.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự “.

**** Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Đăk Lăk;
- TAND tỉnh Đăk Lăk;
- VKSND huyện Cư M'gar;
- CCTHA huyện Cư M'gar;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VPCQ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Quang Cảnh